

Số: 1751 /QĐ-UBND

Đường Hào, ngày 07 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông
tổ dân phố Long Đằng, phường Đường Hào**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐƯỜNG HÀO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 32/2026/TT-BXD ngày 22/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 ban hành định mức xây dựng; số 39/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung chi tiết trong hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu Quốc gia về hoạt động xây dựng; số 40/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Hưng Yên: Số 757/2025/NQ-HĐND ngày 10/10/2025 quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán

kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên; số 790/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: Số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026; số 38/2026/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 Ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 1905/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Văn bản của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên: số 396/TB-SXD ngày 07/8/2026 Về việc công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng tháng 7 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 3385/SXD-KT&VLXD ngày 02/7/2026 về việc cập nhật, chuyển đổi nhân công theo nhóm theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 225/QĐ-SXD ngày 22/9/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 258/QĐ-SXD ngày 06/10/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của UBND phường Đường Hào về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Long Đằng, phường Đường Hào;

Căn cứ Quyết định số 315/QĐ-VP ngày 14/8/2026 của Văn phòng HĐND và UBND phường Đường Hào về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Long Đằng, phường Đường Hào;

Căn cứ Thông báo số 20/TB-KT,HT&ĐT ngày 20/9/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô Thị phường Đường Hào về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Long Đằng, phường Đường Hào;

Căn cứ các quy định hiện hành khác của Nhà nước và của tỉnh.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 333/TTr-KT,HT&ĐT ngày 05/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Long Đằng, phường Đường Hào với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Long Đằng, phường Đường Hào.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm C;

- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông, cấp IV.
- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: 10 năm (đối với kết cấu áo đường).

3. Địa điểm xây dựng: Phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên.

4. Người Quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Đường Hào.

5. Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND phường Đường Hào.

6. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Hưng Long. Mã số doanh nghiệp: 0901144085.

7. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng, dự toán: Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Ecodesign. Mã số doanh nghiệp: 0801368405.

8. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng công trình nhằm từng bước hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu về cơ sở hạ tầng của địa phương; góp phần đảm bảo việc lưu thông hàng hóa, thúc đẩy sản xuất, tạo đà cho sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

9. Quy mô xây dựng và giải pháp thiết kế kỹ thuật chủ yếu:

9.1. Quy mô xây dựng:

Đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường thuộc tổ dân phố Long Đằng có tổng chiều dài khoảng 0,309km. Cụ thể quy mô các tuyến như sau:

- Đoạn 1: Từ đường ĐT.387 đến nhà văn hóa; tuyến có chiều dài khoảng 0,205km; đường GTNT cấp B (theo TCVN 10380:2014); tốc độ thiết kế 30km/h; mặt đường BTN, rộng trung bình 3,8m;

- Đoạn 2: Từ đường ĐT.387 đến nhà ông Thi; tuyến có chiều dài khoảng 0,104km; đường GTNT cấp B (theo TCVN 10380:2014); tốc độ thiết kế 30km/h; mặt đường BTN, rộng trung bình 4,7m;

- Tải trọng trục thiết kế: $P=6T$.

9.2. Giải pháp thiết kế kỹ thuật chủ yếu:

9.2.1. Thiết kế bình diện:

Các đoạn tuyến được tuyến được thiết kế đi trùng đường hiện trạng. Cụ thể:

- Đoạn 1: Đoạn tuyến có điểm đầu Km0+000,00 (giao với ĐT.387); đoạn tuyến đi theo đường hiện trạng và kết thúc tại điểm cuối Km0+204,58 (khu vực nhà văn hóa thôn Long Đằng); tổng chiều dài đoạn 1 khoảng 204,58m.

- Đoạn 2: Đoạn tuyến có điểm đầu Km0+000,00 (giao với ĐT.387); đoạn tuyến đi theo đường hiện trạng và kết thúc tại điểm cuối Km0+104,37 (gần nhà ông Thi); tuyến có chiều dài khoảng 104,37m.

9.2.2. Trắc dọc tuyến: Trên cơ sở các điểm khống chế bao gồm điểm đầu, điểm cuối, các vị trí giao cắt với đường hiện trạng và cao độ hiện trạng của tuyến đường, thiết kế nâng cao mặt đường để đảm bảo chiều dày kết cấu mặt đường tăng cường và êm thuận toàn tuyến.

9.2.3. Thiết kế trắc ngang:

Đầu tư xây dựng các tuyến đường với quy mô đường giao thông nông thôn cấp B. Cụ thể:

- Quy mô mặt cắt ngang đoạn 1: Chiều rộng mặt đường thiết kế theo mặt bằng hiện trạng. Cụ thể: Chiều rộng mặt đường trung bình $B_{\text{mặt}} = 3,8\text{m}$, độ dốc mặt đường $i_{\text{mặt}} = 1,5\%$;

- Quy mô mặt cắt ngang đoạn 2: Chiều rộng mặt đường thiết kế theo mặt bằng hiện trạng. Cụ thể: Chiều rộng mặt đường trung bình $B_{\text{mặt}} = 4,7\text{m}$, độ dốc mặt đường $i_{\text{mặt}} = 1,5\%$;

9.2.4. Thiết kế mặt đường:

- Kết cấu 1 (KC1): Áp dụng tại các vị trí tăng cường trên mặt đường cũ, trên rãnh và trên kết cấu hoàn trả đào thi công rãnh. Cụ thể kết cấu áo đường phạm vi này có cấu tạo các lớp từ trên xuống dưới như sau:

- + Bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm;
- + Tưới nhựa thấm bám, tiêu chuẩn 1,0kg/m²;
- + Lớp móng cấp phối đá dăm loại 1, dày 15cm.

+ Đối với phạm vi hồ móng rãnh, trước khi tăng cường KC1 phải hoàn trả kết cấu đường cũ theo thứ tự từ trên xuống dưới như sau: Mặt BTXM đá 1x2, M300, dày 18cm; lớp móng CPĐĐ loại 1 dày 16cm; hoàn trả hồ móng bằng cát đầm chặt K95.

- Kết cấu 2 (KC2): Áp dụng cho các vị trí mặt đường hiện trạng còn tốt, có chiều dày kết cấu tăng cường nhỏ hơn 13cm. Cụ thể kết cấu áo đường phạm vi này có cấu tạo các lớp từ trên xuống dưới như sau:

- + Bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm;
- + Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn 0,5kg/m²;
- + Bù vênh bằng bê tông nhựa chặt 19.

9.2.5. Thiết kế vuốt nổi dân sinh: Vuốt nổi theo hiện trạng với kết cấu như trên tuyến.

9.2.6. Thiết kế hệ thống thoát nước:

Tuyến 1: đầu tư xây dựng mới hệ thống thoát nước để đảm bảo thoát nước mặt đường và dân sinh. Tuyến 2: tận dụng lại hệ thống rãnh cũ, bổ sung hố ga thu nước đảm bảo thoát nước mặt đường sau khi cải tạo. Cụ thể như sau:

- Tuyến 1:

+ Bố trí rãnh B40 bằng BTCT bên trái tuyến từ Km0+8,79 – Km0+156,31 (chiều dài $L=147,22\text{m}$); bên phải tuyến từ Km0+8,21 – Km0+162,15 (chiều dài $L=154,35\text{m}$). Rãnh nằm dưới kết cấu áo đường. Thiết kế hố ga bằng gạch xây thu nước trực tiếp mặt đường với khoảng cách 15m/hố ga và thoát ra điểm xả vị trí đầu tuyến. Thiết kế nâng hố thu nước bị ảnh hưởng khi nâng cao độ mặt đường

+ Bố trí hoàn trả rãnh tại Km0+7,90 vị trí đầu tuyến bị ảnh hưởng khi xây dựng tuyến đường, đầu nối với mương hiện trạng.

- Tuyến 2: Giữ nguyên hệ thống rãnh hiện trạng, bổ sung hố ga thu nước trực tiếp mặt đường với khoảng cách 15m/hố ga và thoát ra điểm xả vị trí đầu tuyến. Tiến hành nạo vét, lắp đặt lại tấm đan sau khi hoàn thành.

- Cấu tạo rãnh B40: Rãnh được cấu tạo bằng BTCT, đá 1x2, M250; bề rộng rãnh B=40cm, thành rãnh và đáy rãnh dày 10cm; rãnh được đặt trên lớp đệm đá dăm đầm chặt dày 10cm. Nắp rãnh chịu lực bằng BTCT, đá 1x2, M250; nắp rãnh có kích thước 100x60x13cm (có gờ 2cm phía đáy để chống trượt).

- Cấu tạo hố ga: Thân ga bằng gạch xây VXM M75 dày 22cm, thành được trát VXM M75 dày 1,5cm; móng ga bằng BTXM đá 4x6, M200 dày 20cm trên lớp đệm đá dăm đầm chặt dày 10cm; xả mũ ga bằng BTXM đá 1x2, M250; tấm đan ga bằng BTXM đá 2x4, M250 có song thu nước bằng gang tải trọng 25 tấn.

9.2.7. Thiết kế an toàn giao thông: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông bằng vạch sơn, biển báo theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

10. Danh mục Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 41:2024/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Báo hiệu đường bộ;
- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế (tham khảo);
- TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCCS 39:2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;
- TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4447:2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8859:2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Các tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp qui hiện hành khác có liên quan đến xây dựng công trình.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: **2.185.513.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ một trăm tám mươi lăm triệu năm trăm mười ba nghìn đồng./.).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	1.820.291.911	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	50.968.174	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	180.792.401	đồng
- Chi phí khác:	29.388.106	đồng
- Chi phí dự phòng:	104.072.030	đồng

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026.
13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách phường và các nguồn vốn hợp pháp khác năm 2026.
14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định hiện hành.
15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.
16. Các nội dung khác (nếu có): Không.

Điều 2. Chủ đầu tư căn cứ Dự án đầu tư xây dựng công trình được duyệt, tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng, tổ chức lựa chọn nhà thầu, quản lý vốn đầu tư, quản lý chất lượng công trình theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Trưởng phòng giao dịch số 2 - Kho bạc nhà nước khu vực IV; Đơn vị tư vấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *U. B. N. D.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND phường;
- Lưu: VT. *VT*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Khánh Vĩnh